

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 32/2020/DS-PT
Ngày 09 - 03 - 2020
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Dũng

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Lệ Kiều

Bà Cao Thị Túy Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khanh - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Phan Thanh Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 03 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 144/2019/TLPT-DS ngày 19 tháng 12 năm 2019 về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2019/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 18/2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Mai Hồng T, sinh năm 1973

Cư trú tại: ấp Q, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Thay: Ông Võ Minh T1, sinh năm 1962; cư trú tại: số 127/5 đường V, Hẻm Y, Khóm X, Phường Z, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. (Theo văn bản ủy quyền ngày 25/02/2020).

- Đồng bị đơn: Ông Mai Thanh Q, sinh năm 1950 và bà Võ Thị S, sinh năm 1952

Cùng cư trú tại: ấp V, xã VA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Q, bà S: Anh Mai Chí N, sinh năm 1977.

Cư trú tại: ấp V, xã VA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. (Theo văn bản ủy quyền ngày 12/10/2017).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Mai Chí N, sinh năm 1977

2. Chị Nguyễn Kim P, sinh năm 1976

Cùng cư trú tại: Ấp V, xã VA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

3. Anh Dương Văn Đ, sinh năm 1962

Cư trú tại: Ấp Q, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

4. Anh Mai Nhật T, sinh năm 1985

Cư trú tại: Ấp N1, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

5. Chị Mai Hồng N1, sinh năm 1975

Cư trú tại: Ấp B1, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

6. Chị Mai Ngọc H, sinh năm: 1982.

Cư trú tại: Ấp V, xã VA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

7. Anh Mai Thanh D, sinh năm: 1979

Cư trú tại: Ấp BI, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu

8. Bà Trần Thị L1, sinh năm: 1968

Cư trú tại: Ấp Q, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu

9. Anh Dương Văn N2, sinh năm: 1988

Cư trú tại: Ấp Q, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu

10. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Cư trú tại: Ấp TA, thị trấn H, H, Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Văn T4, chức vụ: Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện H.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Đỗ Q1, chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H (có văn bản xin vắng mặt).

Người kháng cáo: Nguyên đơn chị Mai Hồng T; bị đơn bà Võ Thị S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Mai Chí N.

(Chị T, ông T1, anh N, chị H và anh Đ có mặt; những người còn lại vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, chị Mai Hồng T trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp trước đây là của cha mẹ chị là ông Mai Thanh Q và bà Võ Thị S sang nhượng của ông T4 vào khoảng trước năm 1995. Sau khi sang nhượng xong thì ông Q, bà S cho đất chị và đi đăng ký kê khai chuyển tên qua cho chị T. Chị T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

năm 1994 và cấp đổi năm 2005, phần đất tranh chấp chị T và cha mẹ chị cùng làm cho đến năm 1996 chị lấy chồng và chuyển về gia đình bên chồng ở ấp Q, xã H, huyện V sinh sống.

Do thời điểm chị lấy chồng, cha mẹ còn nghèo và nuôi các em nhỏ nên chị T để lại cho ông Q, bà S làm để nuôi các em. Tuy nhiên, sau này ông Q, bà S có ý định lấy đất lại cho anh Mai Chí N nên chị T không đồng ý. Do đó chị T khởi kiện yêu cầu ông Q, bà S có trách nhiệm trả lại diện tích đất 5.175m² theo diện tích đo đạc thực tế, đất tọa lạc tại ấp V, xã VA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Theo anh Mai Chí N là người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Kim P và cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan trong vụ án trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ anh sang nhượng lại của ông T4 đúng như chị T trình bày, tuy nhiên do thời điểm đó Nhà nước có chính sách trang trải đất đai mà ông Q, bà S có nhiều đất nên sợ bị lấy đất lại, chị T là con lớn trong nhà đã đủ 18 tuổi nên ông Q, bà S mới để cho chị T đứng tên dùm chứ thực tế từ trước đến nay không hề cho chị T như chị T trình bày. Nay chị T yêu cầu trả lại diện tích đất 5.175m² theo diện tích đo đạc thực tế, đất tọa lạc tại ấp V, xã VA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu thì ông Q, bà S không đồng ý trả vì đất tranh chấp là của ông Q, bà S đồng thời ông Q, bà S có yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho chị Mai Hồng T. Về phía anh và chị Nguyễn Kim P là người đang cùng ông Q, bà S canh tác sử dụng trên phần đất tranh chấp không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Theo chị Mai Ngọc H, chị Mai Hồng N, anh Mai Nhật T1, anh Mai Thanh D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày: Đất đang tranh chấp có nguồn gốc của ông Q, bà S nên việc tranh chấp giữa ông Q, bà S và chị T để hai bên tự giải quyết với nhau và đều không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này

Bà Trần Thị L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày: Bà là vợ trước của ông Dương Văn Đ, khi chị T chuyển khẩu về thì bà đã chuyển đi nơi khác nên bà không biết gì về nguồn gốc đất cũng như việc tranh chấp giữa ông Q, bà S và chị T. Bà không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Anh Dương Văn N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày: Đất đang tranh chấp là của chị T, anh không biết gì về nguồn gốc cũng như sự việc tranh chấp. Anh không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2019/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92 và Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Mai Hồng T đòi ông Mai Thanh Q và bà Võ Thị S trả phần diện tích đất qua đo đạc thực tế là 5.175m², tại thửa số 557, tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại ấp V, xã VA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

2. Buộc ông Mai Thanh Q và bà Võ Thị S trả giá trị 5.175m² đất với số tiền là 119.790.900 đồng cho chị Mai Hồng T. Ông Mai Thanh Q và bà Võ Thị S được quyền quản lý, sử dụng phần đất có vị trí và số đo như sau:

- + Hướng đông giáp với kênh Thủy Lợi có số đo 80m;
- + Hướng tây giáp đất ông Phạm Văn P có số đo 80m;
- + Hướng Nam giáp với phần đất của ông Trần Văn P1 có số đo 66m;
- + Hướng Bắc giáp với phần đất ông Nguyễn Ngọc T1 có số đo 64m;

Tổng diện tích là 5.175m², tại thửa số 557, tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại ấp V, xã VA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Ông Mai Thanh Q và bà Võ Thị S được quyền điều chỉnh, kê khai, đăng ký lại quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận của ông Mai Thanh Q và bà Võ Thị S đối với phần diện tích đất 5.175m², tại thửa số 557, tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại ấp V, xã VA, huyện H đã cấp cho chị Mai Hồng T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, về áp dụng tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án, về áp dụng Luật thi hành án dân sự và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, chị Mai Hồng T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông Mai Thanh Q và bà Võ Thị S trả phần diện tích đất, không đồng ý nhận giá trị. Tại phiên tòa phúc thẩm chị Mai Hồng T giữ nguyên kháng cáo.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, bà Võ Thị S yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Hồng T, đồng thời yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp bà Mai Hồng T theo quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh N là người đại diện theo ủy quyền của bà S đồng ý giao trả diện tích đất 5.175m² cho chị T với điều kiện chị T phải hoàn trả giá trị tài sản trên đất là 20.000.000 đồng và tiền ửi 02 ao là 20.000.000 đồng, tổng cộng là 40.000.000 đồng.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, anh Mai Chí N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc chị Mai Hồng T phải trả cho gia đình ông Q, bà S công gìn giữ,

tôn tạo, bồi đắp phần đất tranh chấp số tiền 50.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm anh Mai Chí N giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn chị Mai Hồng T; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Mai Chí N; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2019/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Kim P, anh Mai Nhựt T1, chị Mai Hồng N, anh Mai Thanh D, bà Trần Thị L vắng mặt, Ủy ban nhân dân huyện H có đơn xin vắng mặt. Đây là lần triệu tập họp lệ lần thứ hai, nên xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Phần đất tranh chấp theo biên bản đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06 tháng 8 năm 2018 có tổng diện tích 5.175m² có vị trí và số đo cụ thể như sau:

- + Hướng Đông giáp với kênh Thủy Lợi có số đo 80m;
- + Hướng Tây giáp đất ông Phạm Văn P có số đo 80m;
- + Hướng Nam giáp với phần đất của ông Trần Văn P1 có số đo 66m;
- + Hướng Bắc giáp với phần đất ông Nguyễn Ngọc T1 có số đo 64m.

Tổng diện tích là 5.175m², tại thửa số 557, tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại ấp V, xã VA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Phần đất hiện nay do ông Mai Thanh Q, bà Võ Thị S và vợ chồng anh Mai Chí N, chị Nguyễn Kim P2 đang quản lý, sử dụng.

[4] Các bên đương sự thống nhất xác định nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Mai Thanh Q và bà Võ Thị S nhận chuyển nhượng của ông T4 khoảng trước năm 1995. Nguyên đơn chị Mai Hồng T xác định sau khi chuyển nhượng thì ông Q, bà S đã cho chị T phần đất này và ông Q, bà S đã đi đăng ký kê khai

chuyển tên cho chị T và chị đã đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1994 và được cấp đổi năm 2005. Phía bị đơn ông Mai Thanh Q, bà Võ Thị S xác định ông bà không có cho đất chị T, chỉ cho chị T đứng tên giùm, do thời điểm đó gia đình có nhiều đất sợ nhà nước trang trải đất.

[5] Xét kháng cáo của nguyên đơn chị Mai Hồng T yêu cầu ông Mai Thanh Q và bà Võ Thị S trả phần diện tích đất tranh chấp qua đo đạc thực tế là 5.175m², không đồng ý nhận giá trị. Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Q, bà S là người nhận chuyển nhượng đất của ông T. Tuy nhiên, ông Q, bà S không đi kê khai đứng tên quyền sử dụng đất cho mình mà đăng ký kê khai quyền sử dụng đất cho chị T và chị T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2005 do chính ông Q là người đi kê khai đăng ký cấp quyền sử dụng đất cho chị Mai Hồng T. Ông Q, bà S cho rằng thời điểm năm 1994 sợ Nhà nước trang trải đất nên để chị T đứng tên giùm. Tuy nhiên, theo biên bản xác minh ông Lưu Thành HH là cán bộ địa chính - xây dựng xã VA (bút lục 101) xác định thời điểm năm 1994 không có chính sách trang trải đất đai. Xét thấy, từ khi chị T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2005 cho đến ngày 22 tháng 12 năm 2016 bản thân ông Q là người trực tiếp đi làm giấy tờ cho chị T và hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng thể hiện nguồn gốc đất: *Đất cha mẹ cho sử dụng vào năm 1992*, còn bản thân bà S cũng không có khiếu nại gì về việc cấp đất này cho chị T. Do đó, việc chị T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2005 đã thể hiện ý chí của gia đình ông Q, bà S là đã cho chị T diện tích đất 5.175m². Nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T buộc ông Q, bà S trả lại cho chị T phần đất tranh chấp là có căn cứ.

[6] Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi hộ ông Mai Hồng T: Theo biên bản xác minh ông Nguyễn Minh TT là cán bộ Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Hòa Bình (bút lục 100) có xác nhận của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H xác định do ghi sai tên hộ bà thành hộ ông, việc cấp cho hộ là theo mẫu chung chứ thực chất là cấp cho cá nhân chị T. Tại Công văn số 92/TNMT ngày 16/4/2019 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Mai Hồng T là theo Chỉ thị 10 của Thủ tướng Chính phủ và trình tự, thủ tục là đúng quy định của pháp luật.

[7] Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T đòi ông Q, bà S trả phần đất theo đo đạc thực tế là 5.175m², tại thửa số 557, tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại ấp V, xã VA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu là có căn cứ. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm cho rằng kể từ khi đăng ký quyền sử dụng đất cho đến nay, chị T theo chồng về sinh sống tại ấp Q, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu là chưa có nhu cầu sử dụng, hiện tại ông Q, bà S rất cần đất để canh tác và đang canh tác trên phần đất tranh chấp nên buộc ông Q, bà S trả giá trị diện tích đất 5.175m² với số tiền 119.790.900 đồng cho chị T là chưa phù hợp. Bởi vì, trên

phần đất tranh chấp không có vật kiến trúc hay công trình gì có giá trị lớn, chỉ có chòi cây lá địa phương, cây nước và nhà vệ sinh. Còn ông Q, bà S thì sinh sống với anh N ở phần đất khác. Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, anh N là người đại diện theo ủy quyền của ông Q, bà S xác định hiện nay phần đất tranh chấp có 02 ao nuôi tôm nhưng hiện nay bỏ trống không nuôi trồng gì. Từ những cơ sở nêu trên, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị T, cần buộc ông Q, bà S và những người đang quản lý, sử dụng phần đất giao trả diện tích 5.175m² cho chị T là phù hợp.

[8] Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 06/8/2018 thể hiện trên phần đất tranh chấp có 01 căn chòi lá, 01 mái che, 01 nhà vệ sinh tự chế bằng thiếc và 01 cây nước loại ống 49 có tổng giá trị là 10.687.000 đồng. Tại phiên tòa, chị T đồng ý hoàn trả giá trị tài sản trên đất cho ông Q, bà S và anh N, chị P nên ghi nhận sự tự nguyện của chị T, buộc chị T phải có nghĩa vụ trả lại giá trị tài sản trên đất cho ông Q, bà S, anh N và chị P số tiền 10.687.000 đồng.

[9] Xét kháng cáo của bà Võ Thị S, tại phiên tòa phúc thẩm, anh N là người đại diện theo ủy quyền của bà S đồng ý giao trả diện tích đất 5.175m² cho chị T và yêu cầu chị T hoàn trả giá trị tài sản trên đất là 20.000.000 đồng và chi phí ủi 02 ao nuôi tôm là 20.000.000 đồng, tổng cộng là 40.000.000 đồng. Xét thấy, phần tài sản trên đất chỉ có 10.687.000 đồng và chị T chỉ đồng ý trả giá trị tài sản số tiền 10.687.000 đồng, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của anh N. Đối với chi phí ủi 02 ao nuôi tôm, xét thấy khi ủi 02 ao nuôi tôm ông Q, bà S và anh N không thông báo cho chị T biết, mặt khác việc ủi ao là để phục vụ cho nuôi tôm của ông Q, bà S và anh N và nhằm mục đích tạo ra hoa lợi, lợi tức cho ông Q, bà S và anh N gần 20 năm nay, nên không chấp nhận yêu cầu này của bà T. Do có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà S về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị T.

[10] Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Mai Chí N yêu cầu chị T trả cho gia đình ông Q, bà S công gìn giữ, tôn tạo, bồi đắp phần đất tranh chấp số tiền 50.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Q, bà S và anh N gìn giữ, tôn tạo, bồi đắp đất là để phục vụ cho sản xuất, nuôi trồng của mình, có thu hoa lợi, lợi tức phục vụ cho cuộc sống của gia đình ông Q trên 20 năm, nên việc yêu cầu chị T trả lại công sức gìn giữ, tôn tạo đất với số tiền 50.000.000 đồng là không phù hợp, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh N.

[11] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn chị Mai Hồng T, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà S và anh N, có căn cứ chấp nhận đề xuất của Kiểm sát viên; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2019/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

[12] Chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản tranh chấp số tiền 550.000 đồng, ông Mai Thanh Q và bà Võ Thị S phải chịu. Chị Mai Hồng T đã

dự nộp tạm ứng 550.000 đồng, nên buộc Q, bà S phải nộp 550.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H để hoàn lại cho chị T.

[13] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Mai Hồng T không phải chịu, chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003855 ngày 06/02/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H được hoàn lại. Ông Mai Thanh Q, bà Võ Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn chị Mai Hồng T không phải chịu, chị T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005825 ngày 30/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H được hoàn lại. Bị đơn bà Võ Thị S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Mai Chí N mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Bà S, anh Nguyễn đã nộp tạm ứng án phí mỗi người 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005823 và 0005824 cùng ngày 29/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H được chuyển thu án phí.

[14] Các phần khác của Bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị và không liên quan đến kháng cáo đã có hiệu lực pháp luật được giữ nguyên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92 và Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn chị Mai Hồng T, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Mai Chí N; sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2019/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Hồng T đòi ông Mai Thanh Q và bà Võ Thị S trả diện tích đất qua đo đạc thực tế là 5.175m², tại thửa số 557, tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại ấp V, xã VA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

2. Buộc ông Mai Thanh Q, bà Võ Thị S, anh Mai Chí N và chị Nguyễn Kim P giao trả diện tích đất 5.175m², tại thửa số 557, tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại ấp V, xã VA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu cho chị Mai Hồng T có số đo như sau:

- + Hướng đông giáp với kênh Thủy Lợi có số đo 80m;
- + Hướng tây giáp đất ông Phạm Văn P có số đo 80m;
- + Hướng Nam giáp với phần đất của ông Trần Văn P1 có số đo 66m;

+ Hướng Bắc giáp với phần đất ông Nguyễn Ngọc T2 có số đo 64m.

3. Buộc chị Mai Hồng T có nghĩa vụ hoàn trả giá trị tài sản trên đất cho ông Mai Thanh Q, bà Võ Thị S, anh Mai Chí N và chị Nguyễn Kim P tổng số tiền 10.687.000 đồng (mười triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

4. Không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ông Mai Thanh Q và bà Võ Thị S đối với diện tích đất 5.175m², tại thửa số 557, tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại ấp V, xã VA, huyện H đã cấp cho chị Mai Hồng T.

5. Chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản tranh chấp số tiền 550.000 đồng, ông Mai Thanh Q và bà Võ Thị S phải chịu. Chị Mai Hồng T đã dự nộp tạm ứng 550.000 đồng, nên buộc Q, bà S phải nộp 550.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H để hoàn lại cho chị T.

6 Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Mai Hồng T không phải chịu, chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003855 ngày 06/02/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H được hoàn lại. Ông Mai Thanh Q, bà Võ Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn chị Mai Hồng T không phải chịu, chị T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005825 ngày 30/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H được hoàn lại. Bị đơn bà Võ Thị và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Mai Chí N mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Bà S, anh N đã nộp tạm ứng án phí mỗi người 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005823 và 0005824 cùng ngày 29/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H được chuyển thu án phí.

7. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện H;
- TAND huyện H;
- CCTHADS huyện H;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tổ HCTP.

Trương Thanh Dũng